

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

- Căn cứ Luật số 78/2025/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026;
- Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ Quyết định 1199/QĐ-BXD ngày 16/12/2024 về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm/chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với Quy chuẩn quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng QCVN 16:2023/BXD;
- Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện KHCN Xây dựng;
- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 395/2025/VKH ký ngày 11/12/2025 giữa Viện KHCN Xây dựng và Công ty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt về việc thử nghiệm và đánh giá chứng nhận sản phẩm Gạch gốm ốp lát phù hợp Quy chuẩn số 16:2023/BXD;
- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá của đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ đánh giá chứng nhận;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật và Giám đốc Phân Viện Miền Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp chứng nhận sản phẩm Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men của Công ty ARGENTA CERAMICA, SL sản xuất phù hợp với mục III.1, bảng 1, quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD theo danh mục đính kèm.

Điều 2: Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận 03 năm kể từ ngày ký quyết định. Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các lần Viện Khoa học Công nghệ tiến hành đánh giá giám sát 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm.

Điều 3: Việc sử dụng giấy chứng nhận và dấu hợp quy phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng hoàn toàn không chịu trách nhiệm về việc sử dụng trái với các quy định này.

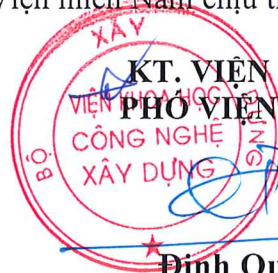
Điều 4: Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, nếu có bất kỳ thay đổi nào về thiết kế sản phẩm, nhà sản xuất hay những thay đổi khác ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm so với đăng ký ban đầu, Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Viện Khoa học Công nghệ xây dựng để có đánh giá bổ sung theo quy định.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ áp dụng cho mặt hàng gạch gốm ốp lát ép bán khô có men như danh mục nêu tại phụ lục đính kèm, do Công ty ARGENTA CERAMICA, SL sản xuất và công ty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt nhập khẩu, sử dụng nhãn hiệu đã đăng ký (theo phụ lục đính kèm)

Điều 6: Công ty ARGENTA CERAMICA, SL, công ty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt và các Ông, Bà Trưởng phòng KHKT, TCKT và Giám đốc Phân Viện miền Nam chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (03 bản);
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu VT, KHKT, PVMN./.



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đinh Quốc Dân

PHỤ LỤC

DANH MỤC SẢN PHẨM KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 395-12/2025/QĐ-VKH NGÀY 26/06/2026

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Nhãn hiệu hàng hóa/Brand ⁽¹⁾	Mã HS <i>HS code</i> ⁽¹⁾
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x1200x10		69072193
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x600x9		69072193
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	900x900x9		69072193
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	600x600x9		69072193

Ghi chú: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng

th



PHỤ LỤC

DANH MỤC SẢN PHẨM KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 395-12/2025/QĐ-VKH NGÀY 26/06/2026

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận	Quy cách/ ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Mã/code ⁽¹⁾																											
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	1200x1200x10	Nhóm 3: <table><tr><td>CLASS AVORIO</td><td>CLASS BIANCO</td></tr></table> Nhóm 4: <table><tr><td>LETO PEARL POLISHED</td><td>THOLOS WHITE POLISHED</td></tr><tr><td>LETO GREY POLISHED</td><td>GREEK CREAM POLISHED</td></tr><tr><td>LETO CREAM POLISHED</td><td>CLASS BIANCO POLISHED</td></tr><tr><td>HERA WHITE POLISHED</td><td>CLASS AVORIO POLISHED</td></tr></table>	CLASS AVORIO	CLASS BIANCO	LETO PEARL POLISHED	THOLOS WHITE POLISHED	LETO GREY POLISHED	GREEK CREAM POLISHED	LETO CREAM POLISHED	CLASS BIANCO POLISHED	HERA WHITE POLISHED	CLASS AVORIO POLISHED																	
CLASS AVORIO	CLASS BIANCO																													
LETO PEARL POLISHED	THOLOS WHITE POLISHED																													
LETO GREY POLISHED	GREEK CREAM POLISHED																													
LETO CREAM POLISHED	CLASS BIANCO POLISHED																													
HERA WHITE POLISHED	CLASS AVORIO POLISHED																													
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	1200 x 600 x 9	Nhóm 1: <table><tr><td>SL HONTORIA RUBIK CRM</td><td>SL TESEO MIX</td></tr><tr><td>SL BORRIOL YENGA GRG</td><td>SL FLAVIA RIGATA DUNA</td></tr></table> Nhóm 2: <table><tr><td>SL BELLINI SALVIA SLK</td></tr></table> Nhóm 3: <table><tr><td>SL CARPENTER ALBAR</td><td>GREEK CREAM MATT</td></tr><tr><td>SL CARPENTER TAUPE</td><td>HAUTEVILLE WHITE</td></tr><tr><td>SL CARPENTER GREY</td><td>HAUTEVILLE GREY</td></tr><tr><td>SL CARPENTER DARK</td><td>HAUTEVILLE CREAM</td></tr><tr><td>SL FLAVIA DUNA</td><td>CLASS BIANCO</td></tr><tr><td>SL BERGSTEIN LIGHT</td><td>ARAN GREY</td></tr><tr><td>SL BERGSTEIN IVORY</td><td>ARAN LIGHT GREY</td></tr><tr><td>SL BERGSTEIN GREY</td><td>CLASS AVORIO</td></tr><tr><td>SL BERGSTEIN BEIGE</td><td>JATOBA CREAM</td></tr></table> Nhóm 4: <table><tr><td>ARG. BELLINI SALVIA POLISHED</td><td>CLASS AVORIO POLISHED</td></tr><tr><td>GREEK CREAM POLISHED</td><td>CLASS BIANCO POLISHED</td></tr></table>	SL HONTORIA RUBIK CRM	SL TESEO MIX	SL BORRIOL YENGA GRG	SL FLAVIA RIGATA DUNA	SL BELLINI SALVIA SLK	SL CARPENTER ALBAR	GREEK CREAM MATT	SL CARPENTER TAUPE	HAUTEVILLE WHITE	SL CARPENTER GREY	HAUTEVILLE GREY	SL CARPENTER DARK	HAUTEVILLE CREAM	SL FLAVIA DUNA	CLASS BIANCO	SL BERGSTEIN LIGHT	ARAN GREY	SL BERGSTEIN IVORY	ARAN LIGHT GREY	SL BERGSTEIN GREY	CLASS AVORIO	SL BERGSTEIN BEIGE	JATOBA CREAM	ARG. BELLINI SALVIA POLISHED	CLASS AVORIO POLISHED	GREEK CREAM POLISHED	CLASS BIANCO POLISHED
SL HONTORIA RUBIK CRM	SL TESEO MIX																													
SL BORRIOL YENGA GRG	SL FLAVIA RIGATA DUNA																													
SL BELLINI SALVIA SLK																														
SL CARPENTER ALBAR	GREEK CREAM MATT																													
SL CARPENTER TAUPE	HAUTEVILLE WHITE																													
SL CARPENTER GREY	HAUTEVILLE GREY																													
SL CARPENTER DARK	HAUTEVILLE CREAM																													
SL FLAVIA DUNA	CLASS BIANCO																													
SL BERGSTEIN LIGHT	ARAN GREY																													
SL BERGSTEIN IVORY	ARAN LIGHT GREY																													
SL BERGSTEIN GREY	CLASS AVORIO																													
SL BERGSTEIN BEIGE	JATOBA CREAM																													
ARG. BELLINI SALVIA POLISHED	CLASS AVORIO POLISHED																													
GREEK CREAM POLISHED	CLASS BIANCO POLISHED																													

JL

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận	Quy cách/ ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Mã/code ⁽¹⁾	
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	900 x 900 x 9	Nhóm 3:	
			SL CARPENTER ALBAR	HAUTEVILLE WHITE
			SL CARPENTER DARK	ALLEGHE WHITE
			HAUTEVILLE CREAM	ALLEGHE CREAM
			HAUTEVILLE GREY	
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	600 x 600 x 9	Nhóm 2:	
			VENATO NATURAL SILK	SL BELLINI SALVIA SLK
			Nhóm 4:	
			ARG. BELLINI SALVIA POLISHED	

Ghi chú: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng

sh

DỰNG



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.43.7544196 - Fax: 84.43.8361197

Website: www.ibst.vn - Email: vkcnxd@fpt.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY **CERTIFICATE OF CONFORMITY**



Số/No: 395-12/2025VKH

Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:

Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men/ Glazed dry-pressed ceramic tiles

(Danh mục sản phẩm được chứng nhận theo phụ lục đính kèm/ List of certified products attached at index)

Nhà máy sản xuất/ Manufacturer: ARGENTA CERAMICA, SL

Địa điểm sản xuất/ Manufacturing address: Pol. Ind. Vall d'Alba, vial 5, parcela 2, 12194 Vall D'Alba Castellon Spain

Đơn vị nhập khẩu/Importer: Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt

VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ/ Address

778k/2 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

778k/2 Nguyen Kiem Street, Duc Nhuan Ward, Hochiminh City, Vietnam

Phù hợp với/ Conforms to:

Mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD/ Item III.1, table 1, QCVN 16:2023/BXD

Phương thức chứng nhận/ Certification method: Phương thức 5/ Method 5

Hiệu lực/Validity: Giấy chứng nhận có giá trị/ This certificate is valid:

từ ngày 26 tháng 06 năm 2026 đến ngày 25 tháng 06 năm 2029/ from June 26th 2026 to June 25th 2029

(Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các đợt đánh giá giám sát của IBST 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm/ This certificate will maintains valid if 12-month surveillance audits are performed by IBST twice in three years)



Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2026
Hanoi, June 26th 2026

**KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

On behalf of Director of Institute
Vice Director



Định Quốc Dân

PHỤ LỤC
INDEX

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-12/2025VKH, ban hành ngày 26/06/2026
(Attached to Certificate No. 395-12/2025VKH, dated 26/06/2026))

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Nhãn hiệu hàng hóa/ <i>Brand</i> ⁽¹⁾	Mã HS <i>HS code</i> ⁽¹⁾
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x1200x10		69072193
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x600x9		69072193
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	900x900x9		69072193
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	600x600x9		69072193

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-12/2025VKH, ban hành ngày 26/06/2026

(Attached to Certificate No. 395-12/2025VKH, dated 26/06/2026)

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận Certified products	Quy cách/ Dimension ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Mã/code ⁽¹⁾																									
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a	1200x1200x10	Nhóm 3: <table><tr><td>CLASS AVORIO</td><td>CLASS BIANCO</td></tr></table> Nhóm 4: <table><tr><td>LETO PEARL POLISHED</td><td>THOLOS WHITE POLISHED</td></tr><tr><td>LETO GREY POLISHED</td><td>GREEK CREAM POLISHED</td></tr><tr><td>LETO CREAM POLISHED</td><td>CLASS BIANCO POLISHED</td></tr><tr><td>HERA WHITE POLISHED</td><td>CLASS AVORIO POLISHED</td></tr></table>	CLASS AVORIO	CLASS BIANCO	LETO PEARL POLISHED	THOLOS WHITE POLISHED	LETO GREY POLISHED	GREEK CREAM POLISHED	LETO CREAM POLISHED	CLASS BIANCO POLISHED	HERA WHITE POLISHED	CLASS AVORIO POLISHED															
CLASS AVORIO	CLASS BIANCO																											
LETO PEARL POLISHED	THOLOS WHITE POLISHED																											
LETO GREY POLISHED	GREEK CREAM POLISHED																											
LETO CREAM POLISHED	CLASS BIANCO POLISHED																											
HERA WHITE POLISHED	CLASS AVORIO POLISHED																											
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a	1200 x 600 x 9	Nhóm 1: <table><tr><td>SL HONTORIA RUBIK CRM</td><td>SL TESEO MIX</td></tr><tr><td>SL BORRIOL YENGA GRG</td><td>SL FLAVIA RIGATA DUNA</td></tr></table> Nhóm 2: <table><tr><td>SL BELLINI SALVIA SLK</td></tr></table> Nhóm 3: <table><tr><td>SL CARPENTER ALBAR</td><td>GREEK CREAM MATT</td></tr><tr><td>SL CARPENTER TAUPE</td><td>HAUTEVILLE WHITE</td></tr><tr><td>SL CARPENTER GREY</td><td>HAUTEVILLE GREY</td></tr><tr><td>SL CARPENTER DARK</td><td>HAUTEVILLE CREAM</td></tr><tr><td>SL FLAVIA DUNA</td><td>CLASS BIANCO</td></tr><tr><td>SL BERGSTEIN LIGHT</td><td>ARAN GREY</td></tr><tr><td>SL BERGSTEIN IVORY</td><td>ARAN LIGHT GREY</td></tr><tr><td>SL BERGSTEIN GREY</td><td>CLASS AVORIO</td></tr><tr><td>SL BERGSTEIN BEIGE</td><td>JATOBA CREAM</td></tr></table> Nhóm 4: <table><tr><td>ARG. BELLINI SALVIA POLISHED</td><td>CLASS AVORIO POLISHED</td></tr></table>	SL HONTORIA RUBIK CRM	SL TESEO MIX	SL BORRIOL YENGA GRG	SL FLAVIA RIGATA DUNA	SL BELLINI SALVIA SLK	SL CARPENTER ALBAR	GREEK CREAM MATT	SL CARPENTER TAUPE	HAUTEVILLE WHITE	SL CARPENTER GREY	HAUTEVILLE GREY	SL CARPENTER DARK	HAUTEVILLE CREAM	SL FLAVIA DUNA	CLASS BIANCO	SL BERGSTEIN LIGHT	ARAN GREY	SL BERGSTEIN IVORY	ARAN LIGHT GREY	SL BERGSTEIN GREY	CLASS AVORIO	SL BERGSTEIN BEIGE	JATOBA CREAM	ARG. BELLINI SALVIA POLISHED	CLASS AVORIO POLISHED
SL HONTORIA RUBIK CRM	SL TESEO MIX																											
SL BORRIOL YENGA GRG	SL FLAVIA RIGATA DUNA																											
SL BELLINI SALVIA SLK																												
SL CARPENTER ALBAR	GREEK CREAM MATT																											
SL CARPENTER TAUPE	HAUTEVILLE WHITE																											
SL CARPENTER GREY	HAUTEVILLE GREY																											
SL CARPENTER DARK	HAUTEVILLE CREAM																											
SL FLAVIA DUNA	CLASS BIANCO																											
SL BERGSTEIN LIGHT	ARAN GREY																											
SL BERGSTEIN IVORY	ARAN LIGHT GREY																											
SL BERGSTEIN GREY	CLASS AVORIO																											
SL BERGSTEIN BEIGE	JATOBA CREAM																											
ARG. BELLINI SALVIA POLISHED	CLASS AVORIO POLISHED																											

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	<i>Mã/code</i> ⁽¹⁾									
			GREEK CREAM POLISHED	CLASS BIANCO POLISHED								
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a <i>Glazed dry- pressed ceramic tiles, group B1a</i>	900 x 900 x 9	Nhóm 3: <table><tr><td>SL CARPENTER ALBAR</td><td>HAUTEVILLE WHITE</td></tr><tr><td>SL CARPENTER DARK</td><td>ALLEGHE WHITE</td></tr><tr><td>HAUTEVILLE CREAM</td><td>ALLEGHE CREAM</td></tr><tr><td>HAUTEVILLE GREY</td><td></td></tr></table>		SL CARPENTER ALBAR	HAUTEVILLE WHITE	SL CARPENTER DARK	ALLEGHE WHITE	HAUTEVILLE CREAM	ALLEGHE CREAM	HAUTEVILLE GREY	
SL CARPENTER ALBAR	HAUTEVILLE WHITE											
SL CARPENTER DARK	ALLEGHE WHITE											
HAUTEVILLE CREAM	ALLEGHE CREAM											
HAUTEVILLE GREY												
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a <i>Glazed dry- pressed ceramic tiles, group B1a</i>	600 x 600 x 9	Nhóm 2: <table><tr><td>VENATO NATURAL SILK</td><td>SL BELLINI SALVIA SLK</td></tr></table> Nhóm 4: <table><tr><td>ARG. BELLINI SALVIA POLISHED</td></tr></table>		VENATO NATURAL SILK	SL BELLINI SALVIA SLK	ARG. BELLINI SALVIA POLISHED					
VENATO NATURAL SILK	SL BELLINI SALVIA SLK											
ARG. BELLINI SALVIA POLISHED												

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*

**BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHCN XÂY DỰNG**

Số: 395-12/2025/VKH-PVMN

V/v: Thông báo KQTN của hồ sơ
CNHQ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 395/2025VKH ký ngày 11/12/2025 giữa Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng với quý Công ty về việc đánh giá chứng nhận sản phẩm gạch gốm ốp lát phù hợp Quy chuẩn số QCVN 16:2023/BXD và giấy đăng ký đánh giá chứng nhận số 395-12/2025VKH ngày 11/12/2025;

Căn cứ Quyết định chứng nhận sản phẩm số 395-12/2025/QĐ-VKH, ký ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Viện trưởng Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng về cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn số 395-12/2025VKH ngày 26/06/2026

Căn cứ vào kết quả thử nghiệm mẫu điển hình hồ sơ chứng nhận hợp quy có thông tin như sau:

- Số hợp đồng: 395/2025VKH;
- Giấy chứng nhận số: 395-12/2025VKH ngày 26/06/2026;
- Ngày đăng ký: 11/12/2025;
- Nhà máy sản xuất: ARGENTA CERAMICA, SL;
- Địa chỉ địa điểm sản xuất và đánh giá: Pol. Ind. Vall d'Alba, vial 5, parcela 2, 12194 Vall D' Alba Castellon Spain
- Thời gian nhận mẫu, thử nghiệm, xem xét hồ sơ: 13/06/2026-25/06/2026;

Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng thông báo kết quả thử nghiệm các mẫu điển hình theo giấy chứng nhận nêu trên tại phụ lục đính kèm.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu KHK, VT, PVMN.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

VIỆN KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG

Đinh Quốc Dân

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo công văn số 395-12/VKH-PVMN ngày 26/06/2026)

Mẫu 1: Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a quy cách (1200x1200x10) mm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm										Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm B1a)	Đánh giá
1. Độ hút nước (E)	%												Đạt
Độ hút nước từng viên		0,21	0,35	0,39	0,23	0,30	0,23	0,30	0,34	0,30	0,20	$E \leq 0,6$	
Độ hút nước trung bình (E)		0,29										$E \leq 0,5$	
2. Độ bền uốn	MPa												
Chiều dày, mm	8,0	8,1	8,0	8,1	8,1	8,1	8,1	8,1	8,1				
Lực uốn gãy, N	1.813	1.949	1.867	1.906	1.853	1.876	1.946						
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²	42,5	44,6	43,8	43,6	42,4	42,9	44,5	≥ 32	Đạt				
Độ bền uốn trung bình	43,5										≥ 35	Đạt	
3. Độ chịu mài mòn bề mặt													
Nhóm		3					4						
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	750					450						
Cấp		III					I					I, II, III, IV	Đạt
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ x ⁰ C ⁻¹	3,0					2,9					≤ 9	Đạt
	Trung bình	3,0											
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-	-	-	-	-	N/A	-	
	Trung bình	-											

Ghi chú: N/A – không áp dụng

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo công văn số 395-12/VKH-PVMN ngày 26/06/2026)

Mẫu 2: Gạch gồm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a quy cách (1200x600x9) mm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm										Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm B1a)	Đánh giá
1. Độ hút nước (E)	%												Đạt
Độ hút nước từng viên		0,21	0,35	0,39	0,23	0,30	02,3	0,30	0,34	0,30	0,20	$E \leq 0,6$	
Độ hút nước trung bình (E)		0,29										$E \leq 0,5$	
2. Độ bền uốn	MPa												
Chiều dày, mm	8,0	8,1	8,0	8,1	8,1	8,1	8,1	8,1	8,1	8,1			
Lực uốn gãy, N	1.813	1.949	1.867	1.906	1.853	1.876	1.876	1.946	1.876	1.946			
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²	42,5	44,6	43,8	43,6	42,4	42,9	42,9	44,5	42,9	44,5	≥ 32	Đạt	
Độ bền uốn trung bình	43,5										≥ 35	Đạt	
3. Độ chịu mài mòn bề mặt													
Nhóm		1	2	3	4								
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	450	600	750	450								
Cấp		I	II	III	I	I, II, III, IV						Đạt	
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ x ⁰ C ⁻¹	3,0					2,9					≤ 9	Đạt
	Trung bình	3,0											
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-						N/A	-
	Trung bình	-											

Ghi chú: N/A-không áp dụng

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo công văn số 395-12/VKH-PVMN ngày 26/06/2026)

Mẫu 3: Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, quy cách (900x900x9) mm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm										Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm BIa)	Đánh giá
1. Độ hút nước (E)	%												Đạt
Độ hút nước từng viên		0,10	0,11	0,10	0,09	0,11	0,10	0,10	0,09	0,11	0,11	$E \leq 0,6$	
Độ hút nước trung bình (E)		0,10										$E \leq 0,5$	
2. Độ bền uốn	MPa												
Chiều dày, mm	8,1	8,0	8,1	8,0	8,1	8,1	8,1						
Lực uốn gãy, N	1.970	1.939	2.006	1.855	1.953	1.992	1.942						
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²	45,0	45,4	45,9	43,5	44,7	45,5	44,4	≥ 32	Đạt				
Độ bền uốn trung bình	44,9										≥ 35	Đạt	
3. Độ chịu mài mòn bề mặt													
Nhóm		3											
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	750											
Cấp		III										I, II, III, IV	Đạt
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ °C ⁻¹	2,8					2,9					≤ 9	Đạt
	Trung bình	2,9											
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-		N/A	-				
	Trung bình	-											

Ghi chú: N/A-không áp dụng

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo công văn số 395-12/VKH-PVMN ngày 12/06/2026)

Mẫu 4: Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, quy cách (600x600x9) mm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm										Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm B1a)	Đánh giá
1. Độ hút nước (E)	%												Đạt
Độ hút nước từng viên		0,31	0,35	0,25	0,22	0,36	0,21	0,38	0,36	0,32	0,36	$E \leq 0,6$	
Độ hút nước trung bình (E)		0,31										$E \leq 0,5$	
2. Độ bền uốn	MPa												
Chiều dày, mm	8,2	8,3	8,1	8,2	8,3	8,2	8,2						
Lực uốn gãy, N	1.938	1.875	1.985	1.959	1.813	1.895	1.848						
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²	43,2	40,8	45,4	43,7	39,5	42,3	41,2	≥ 32				Đạt	
Độ bền uốn trung bình	42,3										≥ 35	Đạt	
3. Độ chịu mài mòn bề mặt													
Nhóm		2				4							
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	600				450							
Cấp		II				I				I, II, III, IV	Đạt		
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ x ⁰ C ⁻¹	3,0				3,0				≤ 9	Đạt		
	Trung bình	3,0											
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-					N/A	-	
	Trung bình	-											

Ghi chú: N/A-không áp dụng